

(Ban hành kèm theo Quyết định số 136/QĐ-SGTVT ngày 23 tháng 4 năm 2019
của Giám đốc sở Giao thông vận tải Hà Nam)

-Tổng số chuyến xe/tháng: **690** chuyến/tháng

[illegible]

[illegible]

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

-Tên tuyến: **HÀ NAM - HÀ NỘI**

- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Sơn Tây**

- Mã số tuyến: 2990.1711.A

- Hành trình tuyến: BX.Trung tâm Hà Nam - Pháp Vân - BX.Sơn Tây

- Cự ly tuyến: 110 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: **120 chuyến/tháng**

[illegible]

[illegible][illegible]

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

-Tên tuyến: **HÀ NAM - HÀ NỘI**

- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam**(*Phủ Lý*) Bến xe nơi đến: **Yên Nghĩa**

- Mã số tuyển: 2990.1611.A

- Hành trình tuyến: BX.Yên Nghĩa -Quang Trung - Lê Trọng Tấn - Vành đai 3 - Pháp Vân Cao tốc (Cầu giế, Pháp Vân) - Cầu Giế-QL1-BX TT Hà Nam

- Cự ly tuyến: 70 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: **60** chuyến/tháng

[illegible]

	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29		30		Đơn vị khai thác
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	
1																															
2																															
3																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - HẢI PHÒNG**
- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Cầu Rào**
- Mã số tuyến: 1690.1311.A
- Hành trình tuyến: BX.Trung tâm - QL21 - Nam Định - QL10 - BX.Cầu Rào
- Cự ly tuyến: 130 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **120** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	07.10	12.40	07.10	12.40	07.10	12.40	07.10	12.40	07.10	12.40	07.10	12.40	07.10	12.40	07.10	12.40	07.10	12.40	07.10	12.40	07.10	12.40	07.10	12.40	07.10	12.40	07.10	12.40	07.10	12.40	HTX VT Đồng Tâm
2																															
3	12.30	06.30	12.30	06.30	12.30	06.30	12.30	06.30	12.30	06.30	12.30	06.30	12.30	06.30	12.30	06.30	12.30	06.30	12.30	06.30	12.30	06.30	12.30	06.30	12.30	06.30	12.30	06.30	12.30	06.30	CTTNHH Đại Dương
4																															

	Giờ xuất bến các ngày trong tháng	
--	-----------------------------------	--

[illegible]

9																															
10																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															
4																															
5																															
6																															
7																															
8																															
9																															
10																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - HẢI PHÒNG**

- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Thượng Lý**

- Mã số tuyến: 1690.2311.A

- Hành trình tuyến: BX.Thượng Lý – Cầu Niệm – QL10 -Thái Bình – QL10 - Nam Định –QL21 - BX.Trung tâm Hà Nam và ngược lại.

- Cự ly tuyến: 120 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: 150 chuyến/tháng

Nút	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															
4																															
5																															

Nút	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến			
1																															
2																															
3																															
4																															
5																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM – HÒA BÌNH**

- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Trung tâm Hòa Bình**

- Mã số tuyến: 2890.0111.A
- Hành trình tuyến: BX.Trung tâm(Phủ Lý) – QL21 – Đ12B – QL6 – BX.Trung tâm Hòa Bình và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 110 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **90** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	12.00	06.15	12.00	06.16	12.00	06.15	12.00	06.15	12.00	06.15	12.00	06.15	12.00	06.16	12.00	06.15	12.00	06.15	12.00	06.15	12.00	06.15	12.00	06.16	12.00	06.15	12.00	06.15	12.00	06.15	Cty Hải An
2																															
3																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến			
1	12.00	06.15	12.00	06.16	12.00	06.15	12.00	06.15	12.00	06.15	12.00	06.15	12.00	06.16	12.00	06.15	12.00	06.15	12.00	06.15	12.00	06.15	12.00	06.16	12.00	06.15	12.00	06.15	12.00	06.15	Cty Hải An
2																															
3																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – HÒA BÌNH**
- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Trung tâm Hòa Bình**
- Mã số tuyến: 2890.0111.B

- Hành trình tuyến: BX.Trung tâm(Phủ Lý) – QL21- Chi Nê - Đ.HCM – Xuân Mai – QL6 – BX.Trung tâm Hòa Bình và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 110 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **90** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	07.30	12.30	07.30	12.30	07.30	12.30	07.30	12.30	07.30	12.30	07.30	12.30	07.30	12.30	07.30	12.30	07.30	12.30	07.30	12.30	07.30	12.30	07.30	12.30	07.30	12.30	07.30	12.30	07.30	12.30	Cty CPVT ô Tô
2																															
3																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	07.30	12.30	07.30	12.30	07.30	12.30	07.30	12.30	07.30	12.30	07.30	12.30	07.30	12.30	07.30	12.30	07.30	12.30	07.30	12.30	07.30	12.30	07.30	12.30	07.30	12.30	07.30	12.30	07.30	12.30	Cty CPVT ô Tô
2																															
3																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – HÒA BÌNH**
- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Trung tâm Hòa Bình**
- Mã số tuyến: 2890.0111.C
- Hành trình tuyến: BX.Trung tâm(Phủ Lý) – Đồng Văn - Cầu Giẽ - Cao tốc Cầu Giẽ, Pháp Vân - Thường Tín - Văn Điển - QL70 – QL6 – BX.Trung tâm Hòa Bình và ngược lại.

- Cự ly tuyến: 110 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **60** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến			
1																															
2																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – HÒA BÌNH**
- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Cao Sơn**
- Mã số tuyến: 2890.0811.A
- Hành trình tuyến: BX.Trung tâm(Phủ Lý) – Chợ Dầu – Vân Đình – Đ.HCM – Xuân Mai – QL6 – Hòa Bình – TL433 - BX.Cao Sơn và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 135 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **30** chuyến/tháng

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – BẮC GIANG**

- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Lục Ngạn**

- Mã số tuyến: 9098.1114.A

- Hành trình tuyến: BX.Trung tâm Hà Nam- Đường Lê Duẩn - QL1A - – Đồng Văn -Cao tốc(cầu Giẽ, Pháp Vân) Cầu Thanh Trì - ĐT293 - QL37 - TT.Đồi Ngô – QL31 – BX.Lục Ngạn và ngược lại.

- Cự ly tuyến: 160 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: 15 chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM - LẠNG SƠN**
- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam**

Bến xe nơi đến: **Phía Bắc Lạng Sơn**
- Mã số tuyến: 1290.1611.A
- Hành trình tuyến: Trung Tâm Hà Nam - Đồng Văn - Cao tốc (Cầu Giẽ, Pháp Vân) - Hà Nội - Bắc Ninh - BX.Bắc Lạng Sơn
- Cự ly tuyến: 230km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **120** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															
4																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến			
1																															
2																															
3																															
4																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.

Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.

Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - QUẢNG NINH**

- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Mông Dương**

- Mã số tuyến: 1490.1611.A

- Hành trình tuyến: BX.Trung Tâm Hà Nam – QL1 - Đồng Văn - Hòa Mạc - Yên Lệnh - Hưng Yên - QL5 - Hải Dương – QL37 – Sao Đỏ - Uông Bí – QL18 - BX.Cửa Ông và ngược lại.

- Cự ly tuyến: 170 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: **120**chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																														Đơn vị khai hác
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14		15		
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	
1	05.00	04.00	05.00	04.00	05.00	04.00	05.00	04.00	05.00	04.00	05.00	04.00	05.00	04.00	05.00	04.00	05.00	04.00	05.00	04.00	05.00	04.00	05.00	04.00	05.00	04.00	05.00	04.00	05.00	04.00	HTX VT Đồng Tâm
2																															
3																															
4																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																														Đơn vị khai thác
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29		30		
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	
1	05.00	04.00	05.00	04.00	05.00	04.00	05.00	04.00	05.00	04.00	05.00	04.00	05.00	04.00	05.00	04.00	05.00	04.00	05.00	04.00	05.00	04.00	05.00	04.00	05.00	04.00	05.00	04.00	05.00	04.00	HTX VT Đồng Tâm
2																															
3																															
4																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.

- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - QUẢNG NINH**
- Bến xe nơi đi: **Trung Tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Cửa Ông**
- Mã số tuyến: 1490.1511.A
- Hành trình tuyến: BX.Trung Tâm Hà Nam – QL1 - Hưng Yên - QL5 - Hải Dương – QL37 – Sao Đỏ - Uông Bí – QL18 - BX.Cửa Ông
- Cự ly tuyến: 350 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **90**chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến			
1																															
2	12.30	05.30	12.30	05.30	12.30	05.30	12.30	05.30	12.30	05.30	12.30	05.30	12.30	05.30	12.30	05.30	12.30	05.30	12.30	05.30	12.30	05.30	12.30	05.30	12.30	05.30	12.30	05.30	12.30	05.30	HTXDVVT Sơn Hà
3	15.30	10.00	15.30	10.00	15.30	10.00	15.30	10.00	15.30	10.00	15.30	10.00	15.30	10.00	15.30	10.00	15.30	10.00	15.30	10.00	15.30	10.00	15.30	10.00	15.30	10.00	15.30	10.00	15.30	10.00	HTXDVVT Nam Thái

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2	12.30	05.30	12.30	05.30	12.30	05.30	12.30	05.30	12.30	05.30	12.30	05.30	12.30	05.30	12.30	05.30	12.30	05.30	12.30	05.30	12.30	05.30	12.30	05.30	12.30	05.30	12.30	05.30	12.30	05.30	HTXDVVT Sơn Hà
3	15.30	10.00	15.30	10.00	15.30	10.00	15.30	10.00	15.30	10.00	15.30	10.00	15.30	10.00	15.30	10.00	15.30	10.00	15.30	10.00	15.30	10.00	15.30	10.00	15.30	10.00	15.30	10.00	15.30	10.00	HTXDVVT Nam Thái

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.

- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - QUẢNG NINH**

- Bến xe nơi đi: **Trung Tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Móng Cái**

- Mã số tuyến: 1490.1211.A

- Hành trình tuyến: BX.Trung Tâm Hà Nam – QL1 - Đồng Văn - QL38 - Cầu Yên Lệnh - Đường Phạm Bạch Hổ - Ngã tư Chợ Gạo - QL39 - Ngã tư Phố Nối - QL5 - QL37 – Sao Đỏ - Uông Bí – QL18 - BX.Móng Cái và ngược lại

- Cự ly tuyến: 330 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: **90**chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.

- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.

- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyên: **HÀ NAM - QUẢNG NINH**

- Bến xe nơi đi: **Trung Tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **CẨM HẢI**

- Mã số tuyến: 1490.2711.A

- Hành trình tuyến: BX.Trung Tâm Hà Nam – QL1 - Đồng Văn - QL38 - Hòa Mạc - Hưng Yên - QL5 - Hải Dương – QL37 – Sao Đỏ - QL18 - BX.Cẩm Hải

- Cự ly tuyến: 240 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: **210**chuyến/tháng

[illegible][illegible]

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Bình Liêu**

- Mã số tuyển: 1490.2211.A

- Hành trình tuyến: BX.Trung Tâm Hà Nam – QL1 - Đồng Văn - QL38 - Hòa Mạc - Hưng Yên - QL5 - Hải Dương – QL37 – Sao Đỏ - QL18 - BX.Bình Liêu

- Cự ly tuyến: 270 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: **60**chuyến/tháng

[illegible]

[illegible]

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	05.00		05.00		05.00		05.00		05.00		05.00		05.00		05.00		05.00		05.00		05.00		05.00		05.00		05.00		05.00		HTX VT Đồng Tâm
2	06.30	12.15	06.30	12.15	06.30	12.15	06.30	12.15	06.30	12.15	06.30	12.15	06.30	12.15	06.30	12.15	06.30	12.15	06.30	12.15	06.30	12.15	06.30	12.15	06.30	12.15	06.30	12.15	06.30	12.15	HTX VT Đồng Tâm
3																															
4																															
5																															
6																															
7																															
8																															
9																															
10																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM - THÁI NGUYÊN**
- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Đình Cả**
- Mã số tuyến: 2090.1311.A
- Hành trình tuyến: BX.Đình Cả - QL1B – QL3 – QL1 - BX.Trung tâm Hà Nam và ngược lại
- Cự ly tuyến: 175km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **120** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															
4																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															
4																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.

đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM - THÁI NGUYÊN**
- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Đại Từ**
- Mã số tuyến: 2090.1211.A
- Hành trình tuyến: BX.Trung tâm Hà Nam - Hà Nội - QL37 - BX.Đại Từ
- Cự ly tuyến: 200 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **180** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	05.50	14.30	05.50		05.50		05.50		05.50		05.50		05.50		05.50		05.50		05.50		05.50		05.50		05.50		05.50		05.50		HTX VT Đồng Tâm
2																															
3																															
4																															
5																															
6																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	05.50	14.30	05.50		05.50		05.50		05.50		05.50		05.50		05.50		05.50		05.50		05.50		05.50		05.50		05.50		05.50		HTX VT Đồng Tâm
2																															
3																															
4																															
5																															
6																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM - THÁI NGUYÊN**
- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Đu**
- Mã số tuyến: 2090.5511.A
- Hành trình tuyến: BX.Trung tâm Hà Nam - Hà Nội - QL3 - BX.Đu
- Cự ly tuyến: 200 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **180** chuyến/tháng

Nốt tài	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến			
1																															
2																															
3																															
4																															
5																															
6																															

Nốt tài	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến			
1																															
2																															
3																															
4																															
5																															
6																															

Ghi chú:

- Tên tuyến: **HÀ NAM - LẠNG SƠN**
- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Phía nam Lạng Sơn**
- Mã số tuyến: 1290.1111.A
- Hành trình tuyến: BX.Trung tâm(Phủ Lý)- QL1A - Đồng Văn – Cầu Giẽ - Cao tốc Cầu Giẽ, Pháp Vân – Đường vành đai 3 - Cầu Thanh Trì – QL5- Bắc Ninh- BX.Phía nam Lạng Sơn và ngược lại
- Cự ly tuyến: 220 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **120** chuyến/tháng

[illegible][illegible]

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM - PHÚ THỌ**
- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Việt Trì**
- Mã số tuyến: 2190.1211.A
- Hành trình tuyến: BX.Trung tâm(Phủ Lý)- QL1A - Đồng Văn – Cầu Giẽ - Cao tốc Cầu Giẽ, Pháp Vân – Đường vành đai 3 - Cầu Thanh Trì – Đường dẫn cầu Thanh Trì – đường 5 kéo dài- QL3 - QL2 - BX.Việt Trì và ngược lại
- Cự ly tuyến: 170 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **60** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.

- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM - YÊN BÁI**
- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Lục Yên**
- Mã số tuyến: 2190.1211.A
 - Hành trình tuyến: BX.Trung tâm- Đồng Văn – Cao tốc Cầu Giẽ, Pháp Vân – Đường vành đai 3 - Cầu Thanh Trì – Đường dẫn cầu Thanh Trì – Đường Nguyễn Văn Linh – Cầu vượt đường 5 - đường 5 kéo dài- Cầu Đồng Trù – Đường 5 kéo dài-Bắc Thăng long- QL2- QL37 – QL70 – TL152- BX.Lục Yên
- Cự ly tuyến: 320 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **30** chuyến/tháng

Nút	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến			
1																															

Nút	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM - TUYỀN QUANG**
- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Tuyên Quang**
- Mã số tuyến: 2290.1111.A
- Hành trình tuyến: BX.Trung tâm (Phủ Lý) – Đồng Văn – Cao tốc Cầu Giẽ, Pháp Vân - Hà Nội – Thái Nguyên - BX.Tuyên Quang.
- Cự ly tuyến: 250 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **120** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															
4																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															
4																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM - TUYỀN QUANG**
- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Sơn Dương**
- Mã số tuyến: 2290.1411.A
- Hành trình tuyến: BX.Trung tâm (Phủ Lý) - Hà Nội – Thái Nguyên - BX.Sơn Dương
- Cự ly tuyến: 250 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **120** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác				
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15			
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến		
1																																	
2																																	
3	13.30		13.30		13.30		13.30		13.30		13.30		13.30		13.30		13.30		13.30		13.30		13.30		13.30		13.30		13.30		13.30		HTXVT Thành Tuyên
4																																	

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác				
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30			
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến		
1																																	
2																																	
3	13.30		13.30		13.30		13.30		13.30		13.30		13.30		13.30		13.30		13.30		13.30		13.30		13.30		13.30		13.30		13.30		HTXVT Thành Tuyên
4																																	

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – HÀ GIANG**
- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Phía Nam Hà Giang**
- Mã số tuyến: 2390.1111.A
 - Hành trình tuyến: BX.Trung tâm Hà Nam - Đồng Văn – Cao tốc Cầu Giẽ, Pháp Vân – Đường vành đai 3 - Cầu Thanh Trì – Đường dẫn cầu Thanh Trì – Đường Nguyễn Văn Linh – Cầu vượt đường 5 - đường 5 kéo dài- Cầu Đông Trù – Đường 5 kéo dài-Bắc Thăng long – QL2 - BX.Phía Nam Hà Giang và ngược lại
- Cự ly tuyến: 380 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **360** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															
4																															
5																															
6																															
7																															
8																															
9																															
10																															
11																															
12																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng	
-----	-----------------------------------	--

	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29		30		Đơn vị khai thác
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	
1																															
2																															
3																															
4																															
5																															
6																															
7																															
8																															
9																															
10																															
11																															
12																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – LÀO CAI**
- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Sa Pa**
- Mã số tuyến: 2490.1311.A
- Hành trình tuyến: BX.Trung tâm Hà Nam - Đồng Văn - Cao tốc Cầu Giẽ, Pháp Vân - Đường vành đai 3 - Cầu Thanh Trì - Đường dẫn cầu Thanh Trì - Đường Nguyễn Văn Linh - Cầu vượt đường 5 - đường 5 kéo dài- Cầu Đồng Trù - Đường 5 kéo dài-Bắc Thăng long- Cao tốc Nội Bài, Lào Cai - Nút giao QL4D - QL4D - BX.Sa Pa và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 400 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **120** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															
4																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															
4																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – LÀO CAI**
- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Bắc Hà**
- Mã số tuyến: 2490.1411.A
 - Hành trình tuyến: BX.Trung tâm Hà Nam - Đồng Văn - Cao tốc Cầu Giẽ, Pháp Vân - Đường vành đai 3 - Cầu Thanh Trì - Đường dẫn cầu Thanh Trì - Đường Nguyễn Văn Linh - Cầu vượt đường 5 - đường 5 kéo dài- Cầu Đông Trù - Đường 5 kéo dài-Bắc Thăng long- Cao tốc Nội Bài, Lào Cai - Nút giao IC18 - QL4D - QL70 - TL153 - BX.Bắc Hà và ngược lại.

- Cự ly tuyến: 400 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **120** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															
4																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến			
1																															
2																															
3																															
4																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – SƠN LA**
- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Sơn La**
- Mã số tuyến: 2690.1111.A

- Hành trình tuyến: BX.Trung tâm(Phủ Lý) – QL1 - Chi Nê – Hòa Bình – QL6 - BX.Sơn La và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 400 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **90** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến			
1																															
2																															
3																															
Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến			
1																															
2																															
3																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – SƠN LA**
- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Sơn La**
- Mã số tuyến: 2690.1111.B
- Hành trình tuyến: BX.Trung tâm(Phủ Lý) – QL1- Đồng Văn – QL1 - Thường Tín - QL1 - Văn Điển - TL70 – QL6 – BX.Sơn La và ngược lại.

- Cự ly tuyến: 400 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **60** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2	18.00	20.30	18.30	20.30	18.00	20.30	18.30	20.30	18.00	20.30	18.30	20.30	18.00	20.30	18.30	20.30	18.00	20.30	18.30	20.30	18.00	20.30	18.30	20.30	18.00	20.30	18.30	20.30	18.00	20.30	C Ty CPVT Ô Tô (2 xe)

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến			
1																															
2	18.30	20.30	18.00	20.30	18.30	20.30	18.00	20.30	18.30	20.30	18.00	20.30	18.30	20.30	18.00	20.30	18.30	20.30	18.00	20.30	18.30	20.30	18.00	20.30	18.30	20.30	18.00	20.30	18.30	20.30	C Ty CPVT Ô Tô (2 xe)

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – SƠN LA**
- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Mộc Châu**
- Mã số tuyến: 2690.8211.A
- Hành trình tuyến: BX.Trung tâm(Phủ Lý) – QL1A – Văn Điển – TL70A – Hà Đông – QL6 - Hòa Bình – BX.Mộc Châu và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 250 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **45** chuyến/tháng

Nút	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															

Nút	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – CAO BẰNG**
- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Bảo Lâm**
- Mã số tuyến: 9011.1121.A
- Hành trình tuyến: BX.Trung tâm Hà Nam - QL1 - Đồng Văn - Cao tốc(Cầu Giẽ, Pháp Vân) - Đường vành đai 3 - Cầu Thanh Trì - Đường dẫn cầu Thanh Trì - Cầu vượt đường 5 - đường 5 kéo dài- Cầu Đông Trù - Đường Hoàng Sa - Đường Trường Sa - Bắc Thăng long- QL3 - Thái Nguyên - Bắc Kạn Ngã 3 Nà Pặc QL279 - TL212 - QL34 - Bảo Lạc - BX.Bảo Lâm và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 380 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **60** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	05.00	08.30	05.00	08.30	05.00	08.30	05.00	08.30	05.00	08.30	05.00	08.30	05.00	08.30	05.00	08.30	05.00	08.30	05.00	08.30	05.00	08.30	05.00	08.30	05.00	08.30	05.00	08.30	05.00	08.30	
2																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	05.00	08.30	05.00	08.30	05.00	08.30	05.00	08.30	05.00	08.30	05.00	08.30	05.00	08.30	05.00	08.30	05.00	08.30	05.00	08.30	05.00	08.30	05.00	08.30	05.00	08.30	05.00	08.30	05.00	08.30	
2																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – BÌNH DƯƠNG**
- Bến xe nơi đi: **Trung tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Bình Dương**
- Mã số tuyến: 6190.1111.A
- Hành trình tuyến: BX.Trung tâm(Phủ Lý) – QL1 – Ngã tư BP - QL13- BX.Bình Dương và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 1.700 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **15** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng															Đơn vị khai thác
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – TP.HỒ CHÍ MINH**
- Bến xe nơi đi: **Trung Tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Ngã Tư Ga**
- Mã số tuyến 5090.1611.A
- Hành trình tuyến: BX.Trung Tâm(Phủ Lý) – QL1 - BX.Ngã Tư Ga và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 1.700 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **15** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1			05.00								05.00	08.00						08.00						05.00							C.ty CPDVTM DL Hoàng Phát
2			09.00	14.00								14.00			09.00									09.00	14.00						C.ty CPDVTM DL Hoàng Phát

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác			
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30		
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến	
1	05.00	08.00						08.00					05.00								05.00	08.00							08.00			C.ty CPDVTM DL Hoàng Phát

2		14.00			09.00							09.00	14.00							14.00			09.00							C.ty CPDVTM DL Hoàng Phát
---	--	-------	--	--	-------	--	--	--	--	--	--	-------	-------	--	--	--	--	--	--	-------	--	--	-------	--	--	--	--	--	--	---------------------------

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – GIA LAI**

- Bến xe nơi đi: **Trung Tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **K’Bang**

- Mã số tuyến 8190.1511.A

- Hành trình tuyến: BX.Trung Tâm(Phủ Lý) – QL1 - QL19 – ĐT 669 - BX.K’Bang và ngược lại.

- Cự ly tuyến: 1.250 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: **60** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	09.00			07.30	09.00			07.30	09.00			07.30	09.00			07.30	09.00			07.30	09.00			07.30	09.00			07.30	09.00	CTTNHH Nam Phong	
2																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1		07.30	09.00			07.30	09.00			07.30	09.00			07.30	09.00			07.30	09.00			07.30	09.00			07.30	09.00			07.30	CTTNHH Nam Phong
2																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – ĐẮK LẮK**
- Bến xe nơi đi: **Trung Tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Phía Bắc Buôn Mê Thuột**
- Mã số tuyến 4790.1111.A
- Hành trình tuyến: BX.Trung Tâm - QL1 - QL19 – QL14 - BX. Phía Bắc Buôn Mê Thuột và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 1.300 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **30** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – BÌNH PHƯỚC**
- Bến xe nơi đi: **Trung Tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Thành Công Phước Long**
- Mã số tuyến 9093.1112.A
- Hành trình tuyến: BX.Trung Tâm(Phủ Lý) – QL1 - QL14B - QL14 – ĐT741- BX.Phước Long và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 1.800 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **30** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – BÌNH PHƯỚC**
- Bến xe nơi đi: **Trung Tâm Hà Nam** Bến xe nơi đến: **Lộc Ninh**
- Mã số tuyến 9093.1113.A
- Hành trình tuyến: BX.Trung Tâm(Phủ Lý) – QL1 – QL13- BX.Lộc Ninh và ngược lại.

- Cự ly tuyến: 1.760 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: 15 chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 136/QĐ-SGTVT ngày 23 tháng 4 năm 2019
của Giám đốc sở Giao thông vận tải Hà Nam)

-Tên tuyến: **HÀ NAM - HÀ NỘI**

- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Giáp Bát**

- Mã số tuyến: 2990.1112A

- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ -ĐT491 - Phủ Lý - QL1 - Đồng Văn - Cầu Giẽ - Cao tốc Cầu Giẽ, Pháp Vân - BX.Giáp Bát

- Cự ly tuyến: 70 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: **1.050** chuyến/tháng

[illegible]

22	13.00	15h35	13.00	15h35	13.00	15h35	13.00	15h35	13.00	15h35	13.00	15h35	13.00	15h35	13.00	15h35	13.00	15h35	13.00	15h35	13.00	15h35	13.00	15h35	13.00	15h35	13.00	15h35	13.00	15h35	HTX Lý Nhân
23	13.10	16h35	13.10	16h35	13.10	16h35	13.10	16h35	13.10	16h35	13.10	16h35	13.10	16h35	13.10	16h35	13.10	16h35	13.10	16h35	13.10	16h35	13.10	16h35	13.10	16h35	13.10	16h35	13.10	16h35	HTX Lý Nhân
24	13.30	16h00	13.30	16h00	13.30	16h00	13.30	16h00	13.30	16h00	13.30	16h00	13.30	16h00	13.30	16h00	13.30	16h00	13.30	16h00	13.30	16h00	13.30	16h00	13.30	16h00	13.30	16h00	13.30	16h00	HTX Lý Nhân
25	13.50	17h15	13.50	17h15	13.50	17h15	13.50	17h15	13.50	17h15	13.50	17h15	13.50	17h15	13.50	17h15	13.50	17h15	13.50	17h15	13.50	17h15	13.50	17h15	13.50	17h15	13.50	17h15	13.50	17h15	HTX Lý Nhân
26	14.00	16h25	14.00	16h25	14.00	16h25	14.00	16h25	14.00	16h25	14.00	16h25	14.00	16h25	14.00	16h25	14.00	16h25	14.00	16h25	14.00	16h25	14.00	16h25	14.00	16h25	14.00	16h25	14.00	16h25	HTX Lý Nhân
27	14.15	16h50	14.15	16h50	14.15	16h50	14.15	16h50	14.15	16h50	14.15	16h50	14.15	16h50	14.15	16h50	14.15	16h50	14.15	16h50	14.15	16h50	14.15	16h50	14.15	16h50	14.15	16h50	14.15	16h50	HTX Lý Nhân
28	14.35	07h35	14.35	07h35	14.35	07h35	14.35	07h35	14.35	07h35	14.35	07h35	14.35	07h35	14.35	07h35	14.35	07h35	14.35	07h35	14.35	07h35	14.35	07h35	14.35	07h35	14.35	07h35	14.35	07h35	HTX Lý Nhân
29	15.05	17h40	15.05	17h40	15.05	17h40	15.05	17h40	15.05	17h40	15.05	17h40	15.05	17h40	15.05	17h40	15.05	17h40	15.05	17h40	15.05	17h40	15.05	17h40	15.05	17h40	15.05	17h40	15.05	17h40	HTX Lý Nhân
30	15.15	18h30	15.15	18h30	15.15	18h30	15.15	18h30	15.15	18h30	15.15	18h30	15.15	18h30	15.15	18h30	15.15	18h30	15.15	18h30	15.15	18h30	15.15	18h30	15.15	18h30	15.15	18h30	15.15	18h30	CTCPĐT Thiên Trường
31	15.30	18h10	15.30	18h10	15.30	18h10	15.30	18h10	15.30	18h10	15.30	18h10	15.30	18h10	15.30	18h10	15.30	18h10	15.30	18h10	15.30	18h10	15.30	18h10	15.30	18h10	15.30	18h10	15.30	18h10	HTX Lý Nhân
32	16.00	19h00	16.00	19h00	16.00	19h00	16.00	19h00	16.00	19h00	16.00	19h00	16.00	19h00	16.00	19h00	16.00	19h00	16.00	19h00	16.00	19h00	16.00	19h00	16.00	19h00	16.00	19h00	16.00	19h00	HTX Lý Nhân
33	16.30	07h00	16.30	07h00	16.30	07h00	16.30	07h00	16.30	07h00	16.30	07h00	16.30	07h00	16.30	07h00	16.30	07h00	16.30	07h00	16.30	07h00	16.30	07h00	16.30	07h00	16.30	07h00	16.30	07h00	HTX Lý Nhân
34	17.00	06h35	17.00	06h35	17.00	06h35	17.00	06h35	17.00	06h35	17.00	06h35	17.00	06h35	17.00	06h35	17.00	06h35	17.00	06h35	17.00	06h35	17.00	06h35	17.00	06h35	17.00	06h35	17.00	06h35	HTX Lý Nhân
35	17.20	06h15	17.20	06h15	17.20	06h15	17.20	06h15	17.20	06h15	17.20	06h15	17.20	06h15	17.20	06h15	17.20	06h15	17.20	06h15	17.20	06h15	17.20	06h15	17.20	06h15	17.20	06h15	17.20	06h15	HTX Lý Nhân

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

-Tên tuyến: **HÀ NAM - HÀ NỘI**

- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Giáp Bát**

- Mã số tuyến: 2990.1112B

- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - Đập Phúc - Hòa Mạc - Vực Vòng - Cao tốc (Cầu Giẽ - Pháp Vân) - BX.Giáp Bát

- Cự ly tuyến: 70 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: **330** chuyến/tháng

[illegible][illegible]

[illegible]

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

-Tên tuyến: **HÀ NAM - HÀ NỘI**

- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Yên Nghĩa**
- Mã số tuyến: 2990.1612.B
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - ĐT 491 - Phủ Lý - Đồng Văn - QL1 - Cao tốc(Cầu giẽ, Pháp Vân) - TL427 - Thường Tín - TL427B -Ngã ba Bình Đà - QL21B - Ba La - QL6 - BX.Yên Nghĩa
- Cự ly tuyến: 85 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **120** chuyến/tháng

[illegible]

2	13.45	16.15	13.45	16.15	13.45	16.15	13.45	16.15	13.45	16.15	13.45	16.15	13.45	16.15	13.45	16.15	13.45	16.15	13.45	16.15	13.45	16.15	13.45	16.15	13.45	16.15	13.45	16.15	HTXVT Hải Thịnh		
3																															
4																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	07.00	09.45	07.00	09.45	07.00	09.45	07.00	09.45	07.00	09.45	07.00	09.45	07.00	09.45	07.00	09.45	07.00	09.45	07.00	09.45	07.00	09.45	07.00	09.45	07.00	09.45	07.00	09.45	07.00	09.45	HTXVT Hải Thịnh
2	13.45	16.15	13.45	16.15	13.45	16.15	13.45	16.15	13.45	16.15	13.45	16.15	13.45	16.15	13.45	16.15	13.45	16.15	13.45	16.15	13.45	16.15	13.45	16.15	13.45	16.15	13.45	16.15	13.45	16.15	HTXVT Hải Thịnh
3																															
4																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - HÀ NỘI**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trạ** Bến xe nơi đến: **Sơn Tây**
- Mã số tuyến: 2990.1712.A
 - Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trạ - Phú Lý - QL21 - Chi Nê - Đường HCM - Ngã 3 Xuân Mai - QL21 - BX.Sơn Tây và ngược lại
- Cự ly tuyến: 120 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **90** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	06.45	13.00	06.45	13.00	06.45	13.00	06.45	13.00	06.45	13.00	06.45	13.00	06.45	13.00	06.45	13.00	06.45	13.00	06.45	13.00	06.45	13.00	06.45	13.00	06.45	13.00	06.45	13.00	06.45	13.00	Cty CP VT Ô tô
2	07.45	16.00	07.45	16.00	07.45	16.00	07.45	16.00	07.45	16.00	07.45	16.00	07.45	16.00	07.45	16.00	07.45	16.00	07.45	16.00	07.45	16.00	07.45	16.00	07.45	16.00	07.45	16.00	07.45	16.00	HTX VT Đồng Tâm
3	09.15	16.00	09.15	16.00	09.15	16.00	09.15	16.00	09.15	16.00	09.15	16.00	09.15	16.00	09.15	16.00	09.15	16.00	09.15	16.00	09.15	16.00	09.15	16.00	09.15	16.00	09.15	16.00	09.15	16.00	HTX Lý Nhân

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	06.45	13.00	06.45	13.00	06.45	13.00	06.45	13.00	06.45	13.00	06.45	13.00	06.45	13.00	06.45	13.00	06.45	13.00	06.45	13.00	06.45	13.00	06.45	13.00	06.45	13.00	06.45	13.00	06.45	13.00	Cty CP VT Ô tô
2	07.45	16.00	07.45	16.00	07.45	16.00	07.45	16.00	07.45	16.00	07.45	16.00	07.45	16.00	07.45	16.00	07.45	16.00	07.45	16.00	07.45	16.00	07.45	16.00	07.45	16.00	07.45	16.00	07.45	16.00	HTX VT Đồng Tâm
3	09.15	16.00	09.15	16.00	09.15	16.00	09.15	16.00	09.15	16.00	09.15	16.00	09.15	16.00	09.15	16.00	09.15	16.00	09.15	16.00	09.15	16.00	09.15	16.00	09.15	16.00	09.15	16.00	09.15	16.00	HTX Lý Nhân

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - NAM ĐỊNH**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Nam Định**
- Mã số tuyến: 1890.1112.A
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - Hòa Hậu - BX.Nam Định

- Cự ly tuyến: 30 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **60** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - HẢI PHÒNG**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Niệm Nghĩa**
- Mã số tuyến: 1690.1112.A
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - QL10 - BX.Niệm Nghĩa

- Cự ly tuyến: 130 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	05.00	12.15	05.00	12.15	05.00	12.15	05.00	12.15	05.00	12.15	05.00	12.15	05.00	12.15	05.00	12.15	05.00	12.15	05.00	12.15	05.00	12.15	05.00	12.15	05.00	12.15	05.00	12.15	05.00	12.15	HTX Lý Nhân

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	05.00	12.15	05.00	12.15	05.00	12.15	05.00	12.15	05.00	12.15	05.00	12.15	05.00	12.15	05.00	12.15	05.00	12.15	05.00	12.15	05.00	12.15	05.00	12.15	05.00	12.15	05.00	12.15	05.00	12.15	HTX Lý Nhân

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - HẢI PHÒNG**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Cầu Rào**
- Mã số tuyến: 1690.1312.A
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - QL38B - Nam Định - Thái Bình - QL10 - Quán Toan - BX.Cầu Rào
- Cự ly tuyến: 130 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	05.30	11.15	05.30	11.15	05.30	11.15	05.30	11.15	05.30	11.15	05.30	11.15	05.30	11.15	05.30	11.15	05.30	11.15	05.30	11.15	05.30	11.15	05.30	11.15	05.30	11.15	05.30	11.15	05.30	11.15	HTX Lý Nhân
2	11.50	15.20	11.50	15.20	11.50	15.20	11.50	15.20	11.50	15.20	11.50	15.20	11.50	15.20	11.50	15.20	11.50	15.20	11.50	15.20	11.50	15.20	11.50	15.20	11.50	15.20	11.50	15.20	11.50	15.20	HTX Lý Nhân

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	05.30	11.15	05.30	11.15	05.30	11.15	05.30	11.15	05.30	11.15	05.30	11.15	05.30	11.15	05.30	11.15	05.30	11.15	05.30	11.15	05.30	11.15	05.30	11.15	05.30	11.15	05.30	11.15	05.30	11.15	HTX Lý Nhân
2	11.50	15.20	11.50	15.20	11.50	15.20	11.50	15.20	11.50	15.20	11.50	15.20	11.50	15.20	11.50	15.20	11.50	15.20	11.50	15.20	11.50	15.20	11.50	15.20	11.50	15.20	11.50	15.20	11.50	15.20	HTX Lý Nhân

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - HẢI PHÒNG**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trạ** Bến xe nơi đến: **Thượng Lý**
- Mã số tuyến: 1690.2312.A
- Hành trình tuyến: BX.Thượng Lý – Quán Toan – Thái Bình – Nam Định – BX.Vĩnh Trạ và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 130 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **30** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - HẢI PHÒNG**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Phía Bắc Hải Phòng**
- Mã số tuyến: 1690.1612.A
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - Nam Định – Thái Bình – Quán Toan - BX.Phía Bắc Hải Phòng
- Cự ly tuyến: 130 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **120** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng	
-----	-----------------------------------	--

	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14		15		Đơn vị khai thác
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	
1																															
2																															
3																															
4																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến			
1																															
2																															
3																															
4																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM – HÒA BÌNH**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Trung tâm Hòa Bình**
- Mã số tuyến: 2890.0112.A
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - Phủ Lý – QL21 – Chi Nê – BX.Trung tâm Hòa Bình và ngược lại.

- Cự ly tuyến: 125 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **60** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	05.45	11.45	05.45	11.45	05.45	11.45	05.45	11.45	05.45	11.45	05.45	11.45	05.45	11.45	05.45	11.45	05.45	11.45	05.45	11.45	05.45	11.45	05.45	11.45	05.45	11.45	05.45	11.45	05.45	11.45	HTX Lý Nhân
2																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	05.45	11.45	05.45	11.45	05.45	11.45	05.45	11.45	05.45	11.45	05.45	11.45	05.45	11.45	05.45	11.45	05.45	11.45	05.45	11.45	05.45	11.45	05.45	11.45	05.45	11.45	05.45	11.45	05.45	11.45	HTX Lý Nhân
2																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – HÒA BÌNH**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Trung tâm Hòa Bình**
- Mã số tuyến: 2890.0112.B
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - Phủ Lý – QL1 - Đồng Văn - Cầu Giẽ - Cao tốc Cầu Giẽ, Pháp Vân - Thường Tín - QL1A - Văn Điển - QL70 - QL6 - Xuân Mai -QL6 - BX.Trung tâm Hòa Bình và ngược lại.

- Cự ly tuyến: 125 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **60** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	07.00	14.00	07.00	14.00	07.00	14.00	07.00	14.00	07.00	14.00	07.00	14.00	07.00	14.00	07.00	14.00	07.00	14.00	07.00	14.00	07.00	14.00	07.00	14.00	07.00	14.00	07.00	14.00	07.00	14.00	C.Ty TNHH Quốc Cường
2																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	07.00	14.00	07.00	14.00	07.00	14.00	07.00	14.00	07.00	14.00	07.00	14.00	07.00	14.00	07.00	14.00	07.00	14.00	07.00	14.00	07.00	14.00	07.00	14.00	07.00	14.00	07.00	14.00	07.00	14.00	C.Ty TNHH Quốc Cường
2																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – HÒA BÌNH**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Trung tâm Hòa Bình**
- Mã số tuyến: 2890.0112.C
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - Cầu Từ - QL37B - Hòa Mạc - Vực Vòng - Cao tốc Cầu Giẽ, Pháp Vân - Thường Tín - QL1A - Văn Điển - QL70 - QL6 - Xuân Mai -QL6 - BX.Trung tâm Hòa Bình và ngược lại.

- Cự ly tuyến: 125 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **60** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – BẮC GIANG**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Bắc Giang**
- Mã số tuyến: 9098.1211.A
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - ĐT 491 - Phù Lý – QL1 - Đồng Văn - Cầu Giẽ - Cao tốc(Cầu Giẽ, Pháp Vân) - Đường vành đai 3 - Cầu Thanh Trì - QL5 - Cầu Đuống - Bắc Ninh - ĐT 295B – BX. Bắc Giang và ngược lại

- Cự ly tuyến: 126 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: **120** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2	08.10	14.00	08.10	14.00	08.10	14.00	08.10	14.00	08.10	14.00	08.10	14.00	08.10	14.00	08.10	14.00	08.10	14.00	08.10	14.00	08.10	14.00	08.10	14.00	08.10	14.00	08.10	14.00	08.10	14.00	HTX Lý Nhân
3																															
4																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2	08.10	14.00	08.10	14.00	08.10	14.00	08.10	14.00	08.10	14.00	08.10	14.00	08.10	14.00	08.10	14.00	08.10	14.00	08.10	14.00	08.10	14.00	08.10	14.00	08.10	14.00	08.10	14.00	08.10	14.00	HTX Lý Nhân
3																															
4																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – BẮC GIANG**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Lục Ngạn**
- Mã số tuyến: 9098.1214.A
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - Phủ Lý – Đồng Văn - Hà Nội – Bắc Ninh – BX.Lục Ngạn và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 180 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **60** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác			
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15		
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến	
1	06.00	05.30	06.00	05.30	06.00	05.30	06.00	05.30	06.00	05.30	06.00	05.30	06.00	05.30	06.00	05.30	06.00	05.30	06.00	05.30	06.00	05.30	06.00	05.30	06.00	05.30	06.00	05.30	06.00	05.30	TX Lý Nhân(ngày chẵn) và Công ty CP ô tô(ngày lẻ)	
2																																

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	06.00	05.30	06.00	05.30	06.00	05.30	06.00	05.30	06.00	05.30	06.00	05.30	06.00	05.30	06.00	05.30	06.00	05.30	06.00	05.30	06.00	05.30	06.00	05.30	06.00	05.30	06.00	05.30	06.00	05.30	TX Lý Nhân(ngày chẵn) và Công ty CP ô tô(ngày lẻ)
2																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – BẮC GIANG**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trạ** Bến xe nơi đến: **Lục Ngạn**
- Mã số tuyến: 9098.1214.B
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trạ - Phủ Lý – Đồng Văn - Hà Nội – QL31 – BX.Lục Ngạn và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 180 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **15** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – BẮC GIANG**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trạ** Bến xe nơi đến: **Lục Nam**
- Mã số tuyến: 9098.1219.A
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trạ - ĐT 491 - Phủ Lý – QL1 - Đồng Văn - Cao tốc(Cầu Giẽ, Pháp Vân)- Đường vành đai 3 trên cao - Cầu Thanh trì - QL1 - ĐT 293 - QL37 - QL31– BX.Lục Nam.
- Cự ly tuyến: 140 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **90** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM - LẠNG SƠN**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Phía Bắc Lạng Sơn**
- Mã số tuyến: 1290.1612.A
- Hành trình tuyến: Vĩnh Trụ - Phủ Lý - Hà Nội - Bắc Ninh - BX.Bắc Lạng Sơn
- Cự ly tuyến: 245 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **60** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	03.00	08.35	03.00	08.35	03.00	08.35	03.00	08.35	03.00	08.35	03.00	08.35	03.00	08.35	03.00	08.35	03.00	08.35	03.00	08.35	03.00	08.35	03.00	08.35	03.00	08.35	03.00	08.35	03.00	08.35	HTX Lý Nhân
2																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	03.00	08.35	03.00	08.35	03.00	08.35	03.00	08.35	03.00	08.35	03.00	08.35	03.00	08.35	03.00	08.35	03.00	08.35	03.00	08.35	03.00	08.35	03.00	08.35	03.00	08.35	03.00	08.35	03.00	08.35	HTX Lý Nhân
2																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - LẠNG SƠN**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Phía Nam Lạng Sơn**
- Mã số tuyến: 1290.1112.A
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - ĐT 491 - Phủ Lý - QL1A - Đồng Văn – Cầu Giẽ - Cao tốc Cầu Giẽ, Pháp Vân – Đường vành đai 3 - Cầu Thanh Trì – QL5- Bắc Ninh- BX.Phía nam Lạng Sơn và ngược lại
- Cự ly tuyến: 235 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **120** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															
4																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															
4																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.

- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.

- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - LẠNG SƠN**

- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Tân Thanh**

- Mã số tuyến: 1290.1412.A

- Hành trình tuyến: BX.Tân Thanh - QL4A – QL1A – Đồng Văn – Phú Lý – BX.Vĩnh Trụ và ngược lại.

- Cự ly tuyến: 265 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: **60** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến			
1																															
2																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.

- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.

- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - LẠNG SƠN**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Đồng Đăng**
- Mã số tuyến: 1290.1512.A
- Hành trình tuyến: BX.Đồng Đăng - QL1A – Đồng Văn – Phủ Lý – BX.Vĩnh Trụ và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 240 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **60** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: HÀ NAM - QUẢNG NINH

Bến xe nơi đi: Vĩnh Trụ Bến xe nơi đến: Bãi Cháy

Mã số tuyến: 1490.1112.A

Hành trình tuyến: Vĩnh Trụ - ĐT 491 - Phú Lý - QL1 - Đồng Văn - Hòa Mạc - Cầu Yên Lệnh - Hưng Yên - QL38 - QL5 –Chí Linh - QL18 - Mạo Khê - Uông Bí -BX.Bãi Cháy

Cự ly tuyến: 200 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 120 chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															
4																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác			
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30		
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến	
1																																
2																																
3																																
4																																

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.

- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - QUẢNG NINH**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Móng Cái**
- Mã số tuyến: 1490.1212.A
- Hành trình tuyến: Vĩnh Trụ - Phù Lý - QL5 – QL37 - Mạo Khê - QL18 -BX.Móng Cái
- Cự ly tuyến: 390 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **90 chuyến/tháng**

[illegible][illegible]

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - QUẢNG NINH**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Móng Cái**
- Mã số tuyến: 1490.1212.B
- Hành trình tuyến: Vĩnh Trụ - Phủ Lý - Đồng Văn - QL38 - Cầu Yên Lệnh - Hưng Yên - Phố Nối - QL5 – QL37 - Sao Đỏ - Uông Bí - QL18 -BX.Móng Cái
- Cự ly tuyến: 340 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **90** chuyến/tháng

[illegible][illegible]

[illegible]

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - QUẢNG NINH**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Cẩm Phả**
- Mã số tuyến: 1490.1412.A
- Hành trình tuyến: Vĩnh Trụ - Phủ Lý - Hà Nội - Hải Dương - BX.Cẩm Phả
- Cự ly tuyến: 240 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **60** chuyến/tháng

[illegible][illegible]

[illegible]

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - QUẢNG NINH**

- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Tru** Bến xe nơi đến: **Cẩm Phả**

- Mã số tuyến: 1490.1412.B

- Hành trình tuyến: Vĩnh Tru - QL38B - Hữu Bị - Nam Định - Thái Bình - QL10 - Hải Phòng - Uông Bí - Hòn Gai - BX.Cẩm Phả

- Cự ly tuyến: 240 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: 30 chuyến/tháng

[illegible][illegible]

Ghi chú:

- Tổng số chuyến xe/tháng: **90** chuyến/tháng

[illegible]

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - QUẢNG NINH**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Mông Dương**
- Mã số tuyến: 1490.1612.B
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - QL38B- Hữu Bị - Nam Định - Thái Bình - QL10 - Hải Phòng - Uông Bí - Hòn Gai - BX.Cẩm Phả và ngược lại
- Cự ly tuyến: 230 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **30** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	13.00	06.30	13.00	06.30	13.00	06.30	13.00	06.30	13.00	06.30	13.00	06.30	13.00	06.30	13.00	06.30	13.00	06.30	13.00	06.30	13.00	06.30	13.00	06.30	13.00	06.30	13.00	06.30	13.00	06.30	HTX Lý Nhân

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	13.00	06.30	13.00	06.30	13.00	06.30	13.00	06.30	13.00	06.30	13.00	06.30	13.00	06.30	13.00	06.30	13.00	06.30	13.00	06.30	13.00	06.30	13.00	06.30	13.00	06.30	13.00	06.30	13.00	06.30	HTX Lý Nhân

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.

- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - QUẢNG NINH**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Cửa Ông**
- Mã số tuyến: 1490.1512.A
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - Đập Phúc - Hòa Mạc - QL38 - Hưng Yên - QL38B-QL37 - Uông Bí - QL18 - BX.Cửa Ông
- Cự ly tuyến: 350 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **90** chuyến/tháng

[illegible][illegible]

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - QUẢNG NINH**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Cầm Hải**
- Mã số tuyến: 1490.2712.A
- Hành trình tuyến: BX.Cầm Hải – QL18 – Uông Bí – QL37 – QL38 – Hưng Yên – QL38 – Hòa Mạc – QL1 – BX. Vĩnh Trụ và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 240 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **210** chuyến/tháng

[illegible]

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															
4																															
5																															
6																															
7																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - QUẢNG NINH**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Cẩm Hải**
- Mã số tuyến: 1490.2712.B
- Hành trình tuyến: BX.Cẩm Hải - QL18 – QL10 - Thái Bình - Nam Định - QL38B – BX. Vĩnh Trụ và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 240 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **120** chuyến/tháng

	Giờ xuất bến các ngày trong tháng	
--	-----------------------------------	--

Nốt	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14		15		Đơn vị khai thác
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	
1																															
2																															
3	12.00	05.00	12.00	05.00	12.00	05.00	12.00	05.00	12.00	05.00	12.00	05.00	12.00	05.00	12.00	05.00	12.00	05.00	12.00	05.00	12.00	05.00	12.00	05.00	12.00	05.00	12.00	05.00	12.00	05.00	HTXDVVVT Hồng Vân
4																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3	12.00	05.00	12.00	05.00	12.00	05.00	12.00	05.00	12.00	05.00	12.00	05.00	12.00	05.00	12.00	05.00	12.00	05.00	12.00	05.00	12.00	05.00	12.00	05.00	12.00	05.00	12.00	05.00	12.00	05.00	HTXDVVT Hồng Vân
4																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - QUẢNG NINH**

- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Cái Rồng**

- Mã số tuyến: 1490.1312.A

- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - Phủ Lý – Đồng Văn – Hòa Mạc- Hưng Yên - QL5 – Thanh Miện - QL5 – Sao Đỏ - QL18 - BX.Cái Rồng và ngược lại.

- Cự ly tuyến: 380 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **90**chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - QUẢNG NINH**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Cái Rồng**
- Mã số tuyến: 1490.1312.B
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ -Câu Tử - Đập Phúc – Hòa Mạc- Yên Lệnh - Hưng Yên - QL5 – Thanh Miện - QL5 – Sao Đỏ - QL18 - BX.Cái Rồng và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 380 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **60**chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - QUẢNG NINH**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Uông Bí**
- Mã số tuyến: 1490.1712.A
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - Phủ Lý – Đồng Văn – Hòa Mạc-Yên Lệnh - Hưng Yên - QL5 – Sao Đỏ - QL18 - BX.Uông Bí và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 300 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **90**chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - QUẢNG NINH**

- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Uông Bí**

- Mã số tuyến: 1490.1712.B

-Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - Cầu Tử -QL37B -Hòa Mạc-Yên Lệnh - Hưng Yên - QL5 – Sao Đỏ - QL18 - BX.Uông Bí và ngược lại.

- Cự ly tuyến: 370 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: **60**chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2	13.30	05.00	13.30	05.00	13.30	05.00	13.30	05.00	13.30	05.00	13.30	05.00	13.30	05.00	13.30	05.00	13.30	05.00	13.30	05.00	13.30	05.00	13.30	05.00	13.30	05.00	13.30	05.00	13.30	05.00	CTTNHHVT Đức Luận

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2	13.30	05.00	13.30	05.00	13.30	05.00	13.30	05.00	13.30	05.00	13.30	05.00	13.30	05.00	13.30	05.00	13.30	05.00	13.30	05.00	13.30	05.00	13.30	05.00	13.30	05.00	13.30	05.00	13.30	05.00	CTTNHHVT Đức Luận

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - THÁI NGUYÊN**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: TT.Tp**Thái Nguyên**
- Mã số tuyến: 2090.1612.A
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - Hòa Mạc- Vực vòng - Cao tốc Cầu Giẽ, Pháp Vân - Cầu Đuống – QL3- BX. TT.tpThái Nguyên
- Cự ly tuyến: 190 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **180** chuyến/tháng

[illegible][illegible]

[illegible]

[illegible][illegible]

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.

đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM - THÁI NGUYÊN**

- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **TT.TpThái Nguyên**

- Mã số tuyển: 2090.1612.C

- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - ĐT491 - Phú Lý - QL1 - Đồng Văn - Cầu Giẽ - Cao tốc Cầu Giẽ, Pháp Vân – Đường vành đai 3 trên cao – Cầu Thanh Trì – QL5-Cầu Đuống – QL3- BX.
TT.tpThái Nguyên

- Cự ly tuyến: 190 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: **120** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3	09.15	15.20	09.15	15.20	09.15	15.20	09.15	15.20	09.15	15.20	09.15	15.20	09.15	15.20	09.15	15.20	09.15	15.20	09.15	15.20	09.15	15.20	09.15	15.20	09.15	15.20	09.15	15.20	09.15	15.20	HTX Lý Nhân
4																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3	09.15	15.20	09.15	15.20	09.15	15.20	09.15	15.20	09.15	15.20	09.15	15.20	09.15	15.20	09.15	15.20	09.15	15.20	09.15	15.20	09.15	15.20	09.15	15.20	09.15	15.20	09.15	15.20	09.15	15.20	HTX Lý Nhân
4																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.

đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM - THÁI NGUYÊN**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trạ** Bến xe nơi đến: **Đại Từ**

- Mã số tuyến: 2090.1212.A
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - Phú Lý - Hà Nội - Thái Nguyên - BX.Đại Từ
- Cự ly tuyến: 200 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **180** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	05.35	07.30	05.35	07.30	05.35	07.30	05.35	07.30	05.35	07.30	05.35	07.30	05.35	07.30	05.35	07.30	05.35	07.30	05.35	07.30	05.35	07.30	05.35	07.30	05.35	07.30	05.35	07.30	05.35	07.30	HTX Lý Nhân(02 xe)
2																															
3																															
4																															
5																															
6																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	05.35	07.30	05.35	07.30	05.35	07.30	05.35	07.30	05.35	07.30	05.35	07.30	05.35	07.30	05.35	07.30	05.35	07.30	05.35	07.30	05.35	07.30	05.35	07.30	05.35	07.30	05.35	07.30	05.35	07.30	HTX Lý Nhân(02 xe)
2																															
3																															
4																															
5																															
6																															

Ghi chú:

- Tên tuyến: **HÀ NAM - THÁI NGUYÊN**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Đại Từ**
- Mã số tuyến: 2090.1212.B
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - Cầu Tử - QL37B – Hòa Mạc – Vực Vòng – Cao tốc Cầu Giẽ Pháp Vân – Cầu Thanh Trì – QL5 – Cầu Đuống – QL3 - Thái Nguyên - BX.Đại Từ
- Cự ly tuyến: 200 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **120** chuyến/tháng

[illegible][illegible]

2	06.20	12.00	06.20	12.00	06.20	12.00	06.20	12.00	06.20	12.00	06.20	12.00	06.20	12.00	06.20	12.00	06.20	12.00	06.20	12.00	06.20	12.00	06.20	12.00	06.20	12.00	06.20	12.00	C.Ty TNHH Quốc Cường
3																													
4																													

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM - YÊN BÁI**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Yên Bái**
- Mã số tuyến: 2190.1112.A
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - ĐT491 - Phú Lý - Cao tốc Cầu Giẽ, Pháp Vân – Đường vành đai 3 - Cầu Thanh Trì – Đường dẫn cầu Thanh Trì – Đường Nguyễn Văn Linh – Cầu vượt đường 5 - đường 5 kéo dài- Cầu Đông Trù – Đường 5 kéo dài-Bắc Thăng long - QL2 - BX.Yên Bái
- Cự ly tuyến: 250 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **60** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng															Đơn vị khai thác
	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM - YÊN BÁI**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Lục Yên**
- Mã số tuyến: 2190.1212.A
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - Phủ Lý - Cao tốc Cầu Giẽ, Pháp Vân – Đường vành đai 3 - Cầu Thanh Trì – Đường dẫn cầu Thanh Trì – Đường Nguyễn Văn Linh – Cầu vượt đường 5 - đường 5 kéo dài- Cầu Đông Trù – Đường 5 kéo dài-Bắc Thăng long - QL2 - BX.Lục Yên
- cự ly tuyến: 350 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **60** chuyến/tháng

[illegible]

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng														Đơn vị khai thác
	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	

[illegible]

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM - TUYỀN QUANG**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Hàm Yên**
- Mã số tuyến: 2290.1512.A
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - ĐT491 - Phủ Lý - Cao tốc Cầu Giẽ, Pháp Vân – Đường vành đai 3 - Cầu Thanh Trì – Phúc Yên - Tuyền Quang - BX.Hàm Yên
- Cự ly tuyến: 300 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **90** chuyến/tháng

[illegible]

	Giờ xuất bến các ngày trong tháng	
--	-----------------------------------	--

	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14		15		Đơn vị khai thác
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	
1																															
2																															
3																															
4																															
5																															
6																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															
4																															
5																															
6																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

n: **HÀ NAM – LÀO CAI**

Bến xe nơi đến: **Trung tâm Lào Cai**

- Mã số tuyển: 2490.1212.A

- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - Phù Lý - Đồng Văn – Cao tốc Cầu Giẽ, Pháp Vân – Đường vành đai 3 - Cầu Thanh Trì – Đường dẫn cầu Thanh Trì – Đường Nguyễn Văn Linh – Cầu vượt đường 5 - đường 5 kéo dài- Cầu Đông Trù – Đường 5 kéo dài-Bắc Thăng long- Cao tốc Nội Bài, Lào Cai - BX.Trung tâm Lào Cai.

và ngược lại.

- Cự ly tuyến: 450 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: **240** chuyến/tháng

[illegible][illegible]

[illegible]

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

[illegible][illegible]

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – LÀO CAI**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Sa Pa**
- Mã số tuyến: 2490.1312.A
 - Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - Cầu Từ - QL37B - Hòa Mạc –Vực vòng - Cao tốc Cầu Giẽ, Pháp Vân – Đường vành đai 3 - Cầu Thanh Trì – Đường dẫn cầu Thanh Trì – Đường Nguyễn Văn Linh – Cầu vượt đường 5 - đường 5 kéo dài- Cầu Đông Trù – Đường 5 kéo dài-Bắc Thăng long- Cao tốc Nội Bài, Lào Cai – Nút giao IC19 – QL4D - BX.Sa Pa và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 420 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **150** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	
2	12.00	10.00	12.00	10.00	12.00	10.00	12.00	10.00	12.00	10.00	12.00	10.00	12.00	10.00	12.00	10.00	12.00	10.00	12.00	10.00	12.00	10.00	12.00	10.00	12.00	10.00	12.00	10.00	12.00	10.00	C.Ty TNHH Quốc Cường (2 xe)
3	14.30		14.30		14.30		14.30		14.30		14.30		14.30		14.30		14.30		14.30		14.30		14.30		14.30		14.30		14.30		
4	15.30		15.30		15.30		15.30		15.30		15.30		15.30		15.30		15.30		15.30		15.30		15.30		15.30		15.30		15.30		
5	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	
2	12.00	10.00	12.00	10.00	12.00	10.00	12.00	10.00	12.00	10.00	12.00	10.00	12.00	10.00	12.00	10.00	12.00	10.00	12.00	10.00	12.00	10.00	12.00	10.00	12.00	10.00	12.00	10.00	12.00	10.00	C.Ty TNHH Quốc Cường (2 xe)
3	14.30		14.30		14.30		14.30		14.30		14.30		14.30		14.30		14.30		14.30		14.30		14.30		14.30		14.30		14.30		
4	15.30		15.30		15.30		15.30		15.30		15.30		15.30		15.30		15.30		15.30		15.30		15.30		15.30		15.30		15.30		
5	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	17.15	08.15	

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – ĐIỆN BIÊN**

- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Điện Biên Phủ**

- Mã số tuyến: 2790.1112.A

- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - ĐT 491 - Cầu Tử - QL37B - Hòa Mạc - QL38 - Đồng Văn - QL1A - Văn Điển - Đường 70 - Hà Đông - QL6 - Tuần Giáo - QL279 - BX.Điện Biên Phủ và ngược lại.

- Cự ly tuyến: 550 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: **90** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3	15.30	19.10	15.30	19.10	15.30	19.10	15.30	19.10	15.30	19.10	15.30	19.10	15.30	19.10	15.30	19.10	15.30	19.10	15.30	19.10	15.30	19.10	15.30	19.10	15.30	19.10	15.30	19.10	15.30	19.10	HTXVC HH&DV(2xe)

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3	15.30	19.10	15.30	19.10	15.30	19.10	15.30	19.10	15.30	19.10	15.30	19.10	15.30	19.10	15.30	19.10	15.30	19.10	15.30	19.10	15.30	19.10	15.30	19.10	15.30	19.10	15.30	19.10	15.30	19.10	HTXVC HH&DV(2xe)

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – LÂM ĐỒNG**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Đức Long Bảo Lộc**
- Mã số tuyến 4990.1212.A
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - Phủ Lý – QL1 - BX.Đức Long và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 1.500 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **15** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – LÂM ĐỒNG**

- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Đạ Tẻh**

- Mã số tuyến 4990.1412.A

- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - Phủ Lý – QL1 - BX.Đạ Tẻh và ngược lại.

- Cự ly tuyến: 1.550 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: **10** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1			03.30					04.00			03.30					04.00							03.30							04.00	HTX Lý Nhân

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1					03.30					04.00						03.30					04.00										HTX Lý Nhân

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – TP.HỒ CHÍ MINH**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Miền Đông**
- Mã số tuyến 5090.1112.A
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - Phủ Lý – QL1 - BX.Miền Đông và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 1.700 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **15** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1			05.00																			05.00									HTX VT Đồng Tâm
2																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1					05.00											05.00															HTX VT Đồng Tâm
2																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – TP.HỒ CHÍ MINH**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Ngã Tư Ga**
- Mã số tuyến 5090.1612.A
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - Phủ Lý – QL1 - BX.Ngã Tư Ga và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 1.750 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **32 chuyến/tháng**

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	07.30			07.00				07.00			07.30				07.00	07.30				07.30			07.00				07.00				CT.TNHH Quốc Cường
2																															
3																															
4																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																														Đơn vị khai hác
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29		30		
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	
1	07.30					07.00	07.30					07.30			07.00				07.00	07.30						07.00	07.30				CT.TNHH Quốc Cường
2																															
3																															
4																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – CẦN THƠ**

- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Trung tâm TP. Cần Thơ**

- Mã số tuyến 6590.1112.A

- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - Phủ Lý – QL1 - BX. Trung tâm TP.Cần Thơ và ngược lại.

- Cự ly tuyến: 1.950 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: **120** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1		13.00	09.00			13.00	09.00	13.00			09.00	13.00			09.00	13.00			09.00	13.00			09.00	13.00			09.00	13.00			HTX Lý Nhân(3 xe)
2																															
3																															
4																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	09.00	13.00			09.00	13.00			09.00	13.00			09.00	13.00			09.00	13.00			09.00	13.00			09.00	13.00			09.00		
2																															HTX Lý Nhân(3 xe)
3																															
4																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – CẦN THƠ**

- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Trung tâm TP. Cần Thơ**

- Mã số tuyến 6590.5112.A

- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - Phú Lý – QL1 - Võ Nguyên Giáp - Nguyễn Văn Linh - BX. Trung tâm TP.Cần Thơ và ngược lại.

- Cự ly tuyến: 1.950 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: **240** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															
4																															

Đơn vị khai thác

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															

Đơn vị khai thác

[illegible]

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – GIA LAI**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Ayun Pa**
- Mã số tuyến: 8190.1412.A
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - Phú Lý – QL1 - QL14 –
- Cự ly tuyến: 1.300 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **30 chuyến/tháng**

[illegible]

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng															Đơn vị khai thác
	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	

	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	
1																													
2		05.00			05.00				05.00			05.00				05.00			05.00				05.00						CT.TNHH Quốc Cường
3																													

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – BÌNH PHƯỚC**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Thành Công Phước Long**
- Mã số tuyến 9093.1212.A
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - Phú Lý – QL1 - QL14B - QL14 – ĐT741- BX.Phước Long và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 1.760 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **30** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	07.15		07.15				07.15				07.15				07.15				07.15				07.15				07.15				HTX Lý Nhân(03 xe)

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng															Đơn vị khai thác
	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	

	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		
1	07.15				07.15				07.15				07.15				07.15				07.15				07.15					HTX Lý Nhân(03 xe)

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – BÌNH PHƯỚC**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Bù Đốp**
- Mã số tuyến 9093.1214.A
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - Phù Lý – QL1 – QL13 – ĐT759B - BX.Bù Đốp và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 1.775 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **30** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – BÌNH PHƯỚC**
- Bến xe nơi đi: **Vĩnh Trụ** Bến xe nơi đến: **Thành Công**
- Mã số tuyến 9093.1215.A
- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ - Phù Lý – QL1 - QL14B - QL14 – BX.Bù Đăng và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 1.680 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **15** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

en: HÀ NAM – ĐÀ NẴNG

Bến xe nơi đến: **Trung tâm Đà Nẵng**

- Mã số tuyến 4390.1112.A

- Hành trình tuyến: BX.Vĩnh Trụ QL1 – Vinh – Hàm Đèo Hải Vân – BX.Trung tâm Đà Nẵng và ngược lại.

- Cự ly tuyến: 670 km

- Tổng số chuyên xe/tháng: **180** chuyên/tháng

[illegible][illegible]

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 136/QĐ-SGTVT ngày 23 tháng 4 năm 2019
của Giám đốc sở Giao thông vận tải Hà Nam)

- Tên tuyến: **HÀ NAM - HÀ NỘI**

- Bến xe nơi đi: **Hòa Mạc** Bến xe nơi đến: **Giáp Bát**

- Mã số tuyến: 2990.1113.A

- Hành trình tuyến: BX.Hòa Mạc - Vực vòng - Cao tốc Cầu giẽ, Pháp Vân - BX.Giáp Bát

- Cự ly tuyến: 60 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: **90** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	06.30	08.10	06.30	08.10	06.30	08.10	06.30	08.10	06.30	08.10	06.30	08.10	06.30	08.10	06.30	08.10	06.30	08.10	06.30	08.10	06.30	08.10	06.30	08.10	06.30	08.10	06.30	08.10	06.30	08.10	Cty CPVT Ô tô
2	07.00	13.45	07.00	13.45	07.00	13.45	07.00	13.45	07.00	13.45	07.00	13.45	07.00	13.45	07.00	13.45	07.00	13.45	07.00	13.45	07.00	13.45	07.00	13.45	07.00	13.45	07.00	13.45	07.00	13.45	Cty CPVT Ô tô
3	12.30	14.40	12.30	14.40	12.30	14.40	12.30	14.40	12.30	14.40	12.30	14.40	12.30	14.40	12.30	14.40	12.30	14.40	12.30	14.40	12.30	14.40	12.30	14.40	12.30	14.40	12.30	14.40	12.30	14.40	Cty CPVT Ô tô

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	06.30	08.10	06.30	08.10	06.30	08.10	06.30	08.10	06.30	08.10	06.30	08.10	06.30	08.10	06.30	08.10	06.30	08.10	06.30	08.10	06.30	08.10	06.30	08.10	06.30	08.10	06.30	08.10	06.30	08.10	Cty CPVT Ô tô
2	07.00	13.45	07.00	13.45	07.00	13.45	07.00	13.45	07.00	13.45	07.00	13.45	07.00	13.45	07.00	13.45	07.00	13.45	07.00	13.45	07.00	13.45	07.00	13.45	07.00	13.45	07.00	13.45	07.00	13.45	Cty CPVT Ô tô
3	12.30	14.40	12.30	14.40	12.30	14.40	12.30	14.40	12.30	14.40	12.30	14.40	12.30	14.40	12.30	14.40	12.30	14.40	12.30	14.40	12.30	14.40	12.30	14.40	12.30	14.40	12.30	14.40	12.30	14.40	Cty CPVT Ô tô

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.

- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.

- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

-Tên tuyến: **HÀ NAM - HÀ NỘI**

- Bến xe nơi đi: **Hòa Mạc** Bến xe nơi đến: **Yên Nghĩa**

- Mã số tuyến: 2990.1613.A

- Hành trình tuyến: BX.Hòa Mạc - QL38 - Đồng Văn - QL1 - Cao tốc(Cầu giẽ, Pháp Vân) - TL427 - Thường Tín - TL427B -Ngã ba Bình Đà - QL21B - Ba La - QL6 - BX.Yên Nghĩa

- Cự ly tuyến: 60 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: **90** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	07.00	09.30	07.00	09.30	07.00	09.30	07.00	09.30	07.00	09.30	07.00	09.30	07.00	09.30	07.00	09.30	07.00	09.30	07.00	09.30	07.00	09.30	07.00	09.30	07.00	09.30	07.00	09.30	07.00	09.30	HTXVT Hải Thịnh
2	13.30	16.00	13.30	16.00	13.30	16.00	13.30	16.00	13.30	16.00	13.30	16.00	13.30	16.00	13.30	16.00	13.30	16.00	13.30	16.00	13.30	16.00	13.30	16.00	13.30	16.00	13.30	16.00	13.30	16.00	HTXVT Hải Thịnh
3																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến			
1	07.00	09.30	07.00	09.30	07.00	09.30	07.00	09.30	07.00	09.30	07.00	09.30	07.00	09.30	07.00	09.30	07.00	09.30	07.00	09.30	07.00	09.30	07.00	09.30	07.00	09.30	07.00	09.30	HTXVT Hải Thịnh		
2	13.30	16.00	13.30	16.00	13.30	16.00	13.30	16.00	13.30	16.00	13.30	16.00	13.30	16.00	13.30	16.00	13.30	16.00	13.30	16.00	13.30	16.00	13.30	16.00	13.30	16.00	13.30	16.00	HTXVT Hải Thịnh		
3																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - NAM ĐỊNH**
- Bến xe nơi đi: **Hòa Mạc** Bến xe nơi đến: **Nam Định**
- Mã số tuyến: 1890.1112.A
- Hành trình tuyến: BX.Hòa Mạc - Đồng Văn - Phủ Lý - BX.Nam Định
- Cự ly tuyến: 55 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **120 chuyến/tháng**

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	05.00	09.00	05.00	09.00	05.00	09.00	05.00	09.00	05.00	09.00	05.00	09.00	05.00	09.00	05.00	09.00	05.00	09.00	05.00	09.00	05.00	09.00	05.00	09.00	05.00	09.00	05.00	09.00	05.00	09.00	CTCP ô tô
2																															
3																															
4																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	05.00	09.00	05.00	09.00	05.00	09.00	05.00	09.00	05.00	09.00	05.00	09.00	05.00	09.00	05.00	09.00	05.00	09.00	05.00	09.00	05.00	09.00	05.00	09.00	05.00	09.00	05.00	09.00	05.00	09.00	CTCP ô tô
2																															
3																															
4																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - HẢI PHÒNG**

- Bến xe nơi đi: **Hòa Mạc** Bến xe nơi đến: **Cầu Rào**

- Mã số tuyến: 1690.1313.A

- Hành trình tuyến: BX.Hòa Mạc - QL38 - Hưng Yên - QL5 - BX.Cầu Rào

- Cự ly tuyến: 135 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: **60** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	06.00	13.30			06.00	13.30			06.00	13.30			06.00	13.30			06.00	13.30			06.00	13.30			06.00	13.30			06.00	13.30	Cty Thanh Long
2	13.30	06.45	13.30	06.45	13.30	06.45	13.30	06.45	13.30	06.45	13.30	06.45	13.30	06.45	13.30	06.45	13.30	06.45	13.30	06.45	13.30	06.45	13.30	06.45	13.30	06.45	13.30	06.45	13.30	06.45	Cty Xuân Sơn

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1			06.00	13.30			06.00	13.30			06.00	13.30			06.00	13.30			06.00	13.30			06.00	13.30			06.00	13.30			Cty Thanh Long
2	13.30	06.45	13.30	06.45	13.30	06.45	13.30	06.45	13.30	06.45	13.30	06.45	13.30	06.45	13.30	06.45	13.30	06.45	13.30	06.45	13.30	06.45	13.30	06.45	13.30	06.45	13.30	06.45	13.30	06.45	Cty Xuân Sơn

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

- Tên tuyến: **HÀ NAM - HẢI PHÒNG**
- Bến xe nơi đi: **Hòa Mạc** Bến xe nơi đến: **Niệm Nghĩa**
- Mã số tuyến: 1690.1113.A
- Hành trình tuyến: BX.Hòa Mạc - QL38 - Cầu Yên Lệnh -- Hưng Yên - QL38 - Ngã tư Phố Nối - QL5 - BX.Niệm Nghĩa
- Cự ly tuyến: 120 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **60** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	12.45	07.30	12.45	07.30	12.45	07.30	12.45	07.30	12.45	07.30	12.45	07.30	12.45	07.30	12.45	07.30	12.45	07.30	12.45	07.30	12.45	07.30	12.45	07.30	12.45	07.30	12.45	07.30	12.45	07.30	Công ty TNHH Xuân Sơn
2																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến			
1	12.45	07.30	12.45	07.30	12.45	07.30	12.45	07.30	12.45	07.30	12.45	07.30	12.45	07.30	12.45	07.30	12.45	07.30	12.45	07.30	12.45	07.30	12.45	07.30	12.45	07.30	12.45	07.30	12.45	07.30	Công ty TNHH Xuân Sơn
2																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.

- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.

- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.



- Tên tuyến: **HÀ NAM - HẢI PHÒNG**
- Bến xe nơi đi: **Hòa Mạc** Bến xe nơi đến: **Phía Bắc Hải Phòng**
- Mã số tuyến: 1690.1613.A
- Hành trình tuyến: BX.Hòa Mạc – Hưng Yên – QL5 - BX.Phía Bắc Hải Phòng
- Cự ly tuyến: 115 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **150** chuyến/tháng

	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
Nốt																															
(tài)																															

Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
Nốt																														
(tài)																														

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ.

ĐƠN: HÀ NAM - THÁI NGUYỄN

Bến xe nơi đến: **TT.Tp Thái Nguyên**

- Mã số tuyển: 2090.1613.A

- Hành trình tuyến: BX.TT.Tp Thái Nguyên - QL3 - QL5 - cầu Thanh Trì - QL1- QL38 - BX.Hòa Mạc

- Cự ly tuyến: 170 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: **210** chuyến/tháng

[illegible][illegible]

[illegible]

1																															
2																															
3																															
4																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															
4																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM - YÊN BÁI**
- Bến xe nơi đi: **Hòa Mạc** Bến xe nơi đến: **Yên Bái**
- Mã số tuyến: 2190.1113.A
 - Hành trình tuyến: - BX.Hòa Mạc – Vực Vòng - Cao tốc Cầu Giẽ, Pháp Vân – Đường vành đai 3 - Cầu Thanh Trì – Đường dẫn cầu Thanh Trì – Đường Nguyễn Văn Linh – Cầu vượt đường 5 - đường 5 kéo dài- Cầu Đông Trù – Đường 5 kéo dài - Bắc Thăng Long Nội Bài - QL2- QL37 - BX.Yên Bái và ngược lại
- Cự ly tuyến: 260 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **120** chuyến/tháng

	Giờ xuất bến các ngày trong tháng	
--	-----------------------------------	--

Nốt	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14		15		Đơn vị khai thác
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	
1																															
2	05.00	13.50	05.00	13.50	05.00	13.50	05.00	13.50	05.00	13.50	05.00	13.50	05.00	13.50	05.00	13.50	05.00	13.50	05.00	13.50	05.00	13.50	05.00	13.50	05.00	13.50	05.00	13.50	05.00	13.50	HTX Lý Nhân
3																															
4																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2	05.00	13.50	05.00	13.50	05.00	13.50	05.00	13.50	05.00	13.50	05.00	13.50	05.00	13.50	05.00	13.50	05.00	13.50	05.00	13.50	05.00	13.50	05.00	13.50	05.00	13.50	05.00	13.50	05.00	13.50	HTX Lý Nhân
3																															
4																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM - YÊN BÁI**
- Bến xe nơi đi: **Hòa Mạc** Bến xe nơi đến: **Lục Yên**
- Mã số tuyến: 2190.1213.A
 - Hành trình tuyến: - <A> BX.Hòa Mạc – Vực Vòng - Cao tốc Cầu Giẽ, Pháp Vân – Đường vành đai 3 - Cầu Thanh Trì – Đường dẫn cầu Thanh Trì – Đường Nguyễn Văn Linh – Cầu vượt đường 5 - đường 5 kéo dài- Cầu Đông Trù – Đường 5 kéo dài-Bắc Thăng long Nội Bài - QL2- QL70 – TL171- BX.Lục Yên
 - Hành trình tuyến: - BX.Hòa Mạc – Vực Vòng - Cao tốc Cầu Giẽ, Pháp Vân – Đường vành đai 3 - Cầu Thanh Trì – Đường dẫn cầu Thanh Trì – Đường Nguyễn Văn Linh – Cầu vượt đường 5 - đường 5 kéo dài- Cầu Đông Trù – Đường 5 kéo dài-Bắc Thăng long, Nội Bài - Cao tốc Nội Bài, Lào Cai - Nút IC8 - Phù Ninh - QL2 - TL170(Đông Hồ) - BX.Lục Yên
- Cự ly tuyến: 340 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: 120 chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	04.00	12.00	04.00	12.00	04.00	12.00	04.00	12.00	04.00	12.00	04.00	12.00	04.00	12.00	04.00	12.00	04.00	12.00	04.00	12.00	04.00	12.00	04.00	12.00	04.00	12.00	04.00	12.00	04.00	12.00	HTX Lý Nhân
2	13.00	06.00	13.00	06.00	13.00	06.00	13.00	06.00	13.00	06.00	13.00	06.00	13.00	06.00	13.00	06.00	13.00	06.00	13.00	06.00	13.00	06.00	13.00	06.00	13.00	06.00	13.00	06.00	13.00	06.00	CTCPVT Thủy Bộ
3	16.00		16.00		16.00		16.00		16.00		16.00		16.00		16.00		16.00		16.00		16.00		16.00		16.00		16.00		16.00		CTCPVT Thủy Bộ
4																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	04.00	12.00	04.00	12.00	04.00	12.00	04.00	12.00	04.00	12.00	04.00	12.00	04.00	12.00	04.00	12.00	04.00	12.00	04.00	12.00	04.00	12.00	04.00	12.00	04.00	12.00	04.00	12.00	04.00	12.00	HTX Lý Nhân
2	13.00	06.00	13.00	06.00	13.00	06.00	13.00	06.00	13.00	06.00	13.00	06.00	13.00	06.00	13.00	06.00	13.00	06.00	13.00	06.00	13.00	06.00	13.00	06.00	13.00	06.00	13.00	06.00	13.00	06.00	CTCPVT Thủy Bộ
3	16.00		16.00		16.00		16.00		16.00		16.00		16.00		16.00		16.00		16.00		16.00		16.00		16.00		16.00		16.00		CTCPVT Thủy Bộ
4																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – LAI CHÂU**
- Bến xe nơi đi: **Hòa Mạc** Bến xe nơi đến: **Lai Châu**
- Mã số tuyến 2590.1113.A

- Hành trình tuyến: BX.Hòa Mạc -Vực Vòng - Cao tốc Cầu Giẽ Pháp Vân - Đường Vành Đai 3 - Cầu Thanh Trì - QL5 - Cao tốc(Nội Bài, Lào Cai) - IC18 - QL4D - Sa Pa - QL4D - BX.Lai Châu và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 500 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **60** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến			
1																															
2																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – LAI CHÂU**
- Bến xe nơi đi: **Hòa Mạc** Bến xe nơi đến: **Lai Châu**
- Mã số tuyến 2590.1113.B
- Hành trình tuyến: BX.Hòa Mạc - Đồng Văn - QL38 - QL21B - ĐT 76 - QL21B - Xuân Mai - QL6 - BX.Lai Châu và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 550 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: **120** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															
4																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1																															
2																															
3																															
4																															

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – BẮC GIANG**
- Bến xe nơi đi: **Hòa Mạc** Bến xe nơi đến: **Lục Nam**
- Mã số tuyến: 9098.1319.A
- Hành trình tuyến: BX.Hòa Mạc - QL38 - Vực Vòng- Cao tốc(Cầu Giẽ, Pháp Vân)- Đường vành đai 3 trên cao - Cầu Thanh tri - QL1 - ĐT 293 - QL37 - QL31– BX.Lục Nam.

- Cự ly tuyến: 130 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **90** chuyến/tháng

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai hác		
	1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14			15	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	06.00	14.30	06.00	14.30	06.00	14.30	06.00	14.30	06.00	14.30	06.00	14.30	06.00	14.30	06.00	14.30	06.00	14.30	06.00	14.30	06.00	14.30	06.00	14.30	06.00	14.30	06.00	14.30	06.00	14.30	
2																															
3																															

Nốt	Giờ xuất bến các ngày trong tháng																												Đơn vị khai thác		
	16		17		18		19		20		21		22		23		24		25		26		27		28		29			30	
	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến	B.đi	B.đến		B.đi	B.đến
1	06.00	14.30	06.00	14.30	06.00	14.30	06.00	14.30	06.00	14.30	06.00	14.30	06.00	14.30	06.00	14.30	06.00	14.30	06.00	14.30	06.00	14.30	06.00	14.30	06.00	14.30	06.00	14.30	06.00	14.30	
2																															
3																															

- Ghi chú:
- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
 - Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
 - Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – LÂM ĐỒNG**
- Bến xe nơi đi: **Hòa Mạc** Bến xe nơi đến: **Đức Long Bảo Lộc**
- Mã số tuyến 4990.1213.A
- Hành trình tuyến: BX.Hòa Mạc – Đồng Văn - Phú Lý – QL1 - QL14 – QL27 – QL20 - BX.Đức Long Bảo Lộc và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 1.510 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: **30** chuyến/tháng

[illegible][illegible]

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyên: **HÀ NAM – BÌNH PHƯỚC**

- Bến xe nơi đi: **Hòa Mạc** Bến xe nơi đến: **Bù Đốp**

- Mã số tuyến 9093.1314.A

- Hành trình tuyến: BX.Hòa Mạc – Đồng Văn – QL1 – QL13 – ĐT759B- BX.Bù Đốp và ngược lại.

- Cự ly tuyến: 1.800 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: **15 chuyến/tháng**

[illegible]

[illegible]

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM – BÌNH PHƯỚC**
- Bến xe nơi đi: **Hòa Mạc** Bến xe nơi đến: **Bình Long**
- Mã số tuyến: 9093.1316.A
- Hành trình tuyến: BX.Hòa Mạc – Đồng Văn – QL1 – QL13 - BX.Bình Long và ngược lại.
- Cự ly tuyến: 1.760 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **15 chuyến/tháng**

[illegible]

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 136/QĐ-SGTVT ngày 23 tháng 4 năm 2019)

của Giám đốc sở Giao thông vận tải Hà Nam)

-Tên tuyến: **HÀ NAM - HÀ NỘI**

- Bến xe nơi đi: **Quê(Kim Bảng)** Bến xe nơi đến: **Giáp Bát**

- Mã số tuyển: 2990.1114.A

- Hành trình tuyến: BX.Quê(Kim Bảng) - Đồng Văn - QL1 - BX.Giáp Bát

- Cự ly tuyến: 70 km

- Tổng số chuyến xe/tháng: **240** chuyến/tháng

[illegible][illegible]

[illegible]

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ

- Tên tuyến: **HÀ NAM - THÁI NGUYÊN**
- Bến xe nơi đi: **Quế(Kim Bàng)** Bến xe nơi đến: **Đại Từ**
- Mã số tuyến: 2090.1214.A
- Hành trình tuyến: BX.Quế - Đồng Văn - Hà Nội - Thái Nguyên - BX.Đại Từ
- Cự ly tuyến: 200 km
- Tổng số chuyến xe/tháng: **150 chuyến/tháng**

[illegible]

[illegible][illegible]

Ghi chú:

- Màu Xanh: Là có doanh nghiệp, HTX đang khai thác.
- Màu trắng: Là chưa có doanh nghiệp, HTX khai thác.
- Màu vàng: là có doanh nghiệp, HTX đã đăng ký khai thác, Sở đang kiểm tra hồ sơ